

Bản án số: **33** /2021/HSST.

Ngày: 28/5/2021.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN TP. HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mai Thùy.
Các Hội thẩm nhân dân 1/ Ông Hà Nguyễn Minh Nam;
2/ Bà Nguyễn Phạm Bích Ngân.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Thị Trang – Cán bộ Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Tăng Thị Mỹ Ngọc – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 5 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 29/2021/TLST – HS ngày 23/4/2021 đối với các bị cáo:

1. TRẦN ĐÌNH T (Mắm); giới tính: nam; sinh năm 1970 tại Tp. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: 453/23KC đường S, Phường M, Quận B, Tp. Hồ Chí Minh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hóa: 6/12; Nghề nghiệp: không; Con ông: Trần C (chết); Con bà: Mai Thị L (chết); Hoàn cảnh gia đình: có vợ và 01 con sinh năm 2000; Tiền án: Ngày 14/9/2011 bị Tòa án nhân dân Quận B xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; Ngày 13/12/2013 bị Tòa án nhân dân Quận B xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 năm 08 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành xong phần khoản nộp phạt sung quỹ Nhà nước; Tiền sự: Ngày 03/3/2020 bị Công an quận G xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0020182 về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng, đã đóng phạt; Nhân thân: Ngày 14/9/2001 bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/11/2020 (có mặt).

2. NGUYỄN HỒNG B; giới tính: nam; sinh năm 1978 tại Tp. Hồ Chí Minh; Nơi đăng ký HKTT: 28/22/23 Đường H, Phường Y, quận P, Tp. Hồ Chí Minh; Quốc

tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Văn hóa: 1/12; Nghề nghiệp: Thợ sửa xe; Con ông: Nguyễn Hồng R (chết); Con bà: Lâm Thị H; Hoàn cảnh gia đình: Có vợ, chưa có con; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 03/3/2020 bị Công an quận G xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0020182 về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng, đã đóng phạt; Nhân thân: Ngày 20/11/1996, bị Tòa án nhân dân Quận B xử 08 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 29/2/2008 bị Tòa án nhân dân quận P xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”.

Bị cáo bị bắt tạm giam ngày 12/11/2020 (có mặt).

*** Người bào chữa:** Bào chữa cho bị cáo Nguyễn Hồng B có Luật sư Nguyễn Thanh G – Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước Thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

*** Người bị hại: Ông Tôn Thất Q,** sinh năm 1960.

Địa chỉ: 215B đường C, Phường N, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

*** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:**

Bà Nguyễn Thị O, sinh năm 1953.

Địa chỉ: 385 đường K, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 03 giờ ngày 04/11/2020, Trần Đình T điện thoại cho Nguyễn Hồng B rủ B đi bắt chó của người khác đem đi bán chia tiền nhau tiêu xài, B đồng ý nên điều khiển xe Exciter màu xanh, biển số 59M1 – 347.77 đến nhà của T chờ T đi tìm xem có ai sơ hở thì bắt chó của người đó đem đi bán lấy tiền tiêu xài. Khi đi, T có đem theo 01 dây thòng lọng do T tự làm bằng kẽm để bắt chó. B chờ T đi qua quận S nhưng không có con chó nào để bắt nên B chờ T quay về quận P. Đến 6 giờ 30 ngày 04/11/2020, B chờ T đến trước nhà số 215B Đường C, Phường N, quận P thì thấy có 01 con chó Poodle lông màu vàng, dài 30cm, cao 20cm, nặng 4 kg do ông Tôn Thất Q đang dắt chó đi vệ sinh. B chờ T chạy vòng qua vòng lại con chó 3 lần, rồi B chạy xe ép sát vào con chó, T dùng dây thòng lọng làm bằng kẽm móc vào cổ con chó lôi chó chạy ra hướng đường L rồi bỏ con chó vào bao bố màu xám. Cả hai chạy ra nhà số 388/4 đường K, Phường A, quận P bán con chó cho bà Nguyễn Thị O được 3.500.000 đồng, T và B chia nhau, T lấy 1.800.000 đồng, B lấy 1.700.000 đồng. Sau đó, cả hai đi về.

Sau khi bị mất chó ông Q đến Công an Phường N, quận P trình báo và đăng tin tìm con chó trên mạng xã hội Facebook.

Đến ngày 06/11/2020, T điện thoại cho B nói muốn chuộc lại con chó trả cho chủ sở hữu vì sợ bị Công an phát hiện. B nói đã dùng tiền đưa vợ đi khám thai hết, B kêu T ứng tiền ra chuộc con chó trên về trả cho chủ sở hữu rồi B sẽ trả lại cho T sau. Đến khoảng 8 giờ ngày 07/11/2020, sau khi đi chuộc lại con chó, T mang con chó ra đường ray xe lửa rồi gọi điện báo tổ dân phố để trả lại cho người bị hại.

Đến ngày 11/11/2020, B đến Cơ quan điều tra Công an quận Phú Nhuận đầu thú. Ngày 12/11/2020, B bị bắt giữ trong trường hợp khẩn cấp.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra Công an quận Phú Nhuận, Trần Đình T và Nguyễn Hồng B khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

Vật chứng: 01 con chó Poodle (đã trả cho chủ sở hữu); 01 xe gắn máy biển số 59M1 – 347.77; 01 điện thoại di động; 02 mũ bảo hiểm; 01 bao bố màu xanh; 01 thanh kẽm; 02 cái quần.

Tại bản cáo trạng số 29/CT – VKS.PN ngày 23 tháng 4 năm 2021 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Hồng B về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Trong phần tranh luận tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu và kết luận cáo trạng đã truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng:

Đối với bị cáo T: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 04 (bốn) năm đến 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù.

Đối với bị cáo B: Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo mức án từ 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù đến 04 (bốn) năm tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng điểm a, c khoản 2 Điều 176 Bộ luật tố tụng hình sự đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: mũ bảo hiểm, bao bố, thanh kẽm, 02 quần.
- Tịch thu sung quỹ Nhà nước: 01 ĐTDĐ và 01 xe gắn máy biển số 59M1 – 347.77.

* Luật sư phát biểu lời bào chữa cho bị cáo B:

- Thống nhất với tội danh và điều khoản mà Viện kiểm sát đã truy tố.
- Đề nghị Hội đồng xét xử khi lượng hình cần xem xét, cân nhắc đến các tình tiết giảm nhẹ sau đây để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo: Bị cáo có hoàn cảnh gia đình khó khăn, mẹ già, có vợ (không hôn thú) mới sinh con (tháng 4/2021); bị cáo tham gia với vai trò là người chở bị cáo T đi, các bị cáo không có người chủ mưu, cầm đầu, chỉ là đồng phạm giản đơn; sau khi phạm tội bị cáo ra đầu thú. Ngoài ra, tuy

được bị cáo T nói việc sẽ đi chuộc lại con chó, nhưng do bị cáo không có tiền, đã sử dụng tiền bán chó được đi khám thai cho vợ nên bị cáo nói T ứng tiền ra đi chuộc lại, khi nào có tiền bị cáo sẽ trả lại nên cần áp dụng thêm cho bị cáo tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự là “người phạm tội tự nguyện sửa chữa, bồi thường thiệt hại hoặc khắc phục hậu quả”.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người bào chữa và các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên thực hiện là hợp pháp.

[2]. Về hành vi phạm tội của bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận: Do cần tiền tiêu xài nên khi bị cáo T điện thoại cho bị cáo B rủ B đi bắt chó của người khác đem đi bán chia tiền nhau tiêu xài, bị cáo B đã đồng ý và điều khiển xe Exciter màu xanh, biển số 59M1 – 347.77 đến nhà của T chờ T đi. Khi đi, T có đem theo 01 dây thòng lọng do T tự làm bằng kẽm để bắt chó. B chở T đi qua quận S nhưng không có con chó nào để bắt nên B chở T quay về quận P. Đến 6 giờ 30 ngày 04/11/2020, B chở T đến trước nhà số 215B Đường C, Phường N, quận P thì thấy có 01 con chó Poodle lông màu vàng do ông Tôn Thất Q đang dắt chó đi vệ sinh. B chở T chạy vòng qua vòng lại con chó 3 lần, rồi B chạy xe ép sát vào con chó, để T ngồi phía sau dùng dây thòng lọng làm bằng kẽm móc vào cổ con chó lôi chó chạy ra hướng đường Phan Đăng Lưu rồi bỏ con chó vào bao bố màu xám. Cả hai chạy ra nhà số 388/4 đường K, Phường A, quận P bán con chó cho bà Nguyễn Thị O được 3.500.000 đồng, T và B chia nhau, T lấy 1.800.000 đồng, B lấy 1.700.000 đồng.

Lời khai nhận tội của các bị cáo phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai người bị hại, phù hợp với người làm chứng và các chứng cứ khác được thu thập trong quá trình điều tra nên có đủ cơ sở kết luận hành vi nêu trên của bị cáo đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Các bị cáo sử dụng xe gắn máy làm phương tiện để đi cướp giật tài sản là con chó của ông Q đang dắt trên tay có thể gây

nguy hiểm đến tính mạng, sức khỏe của người bị hại, cũng như của những người khác khi lưu thông trên đường nên các bị cáo phải chịu tình tiết định khung “dùng thủ đoạn nguy hiểm” theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017. Do đó, cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố bị cáo theo điểm d khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017 là có cứ đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến sức khỏe, tài sản hợp pháp của công dân được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an xã hội, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Bản thân các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là trái pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm và trừng trị nghiêm khắc, nhưng vẫn bất chấp phạm tội.

Xét, trong vụ án này có đồng phạm nhưng là đồng phạm giản đơn, không có người chủ mưu, cầm đầu, phân công, tổ chức... trong đó, vai trò của bị cáo T là người rủ rê, chuẩn bị công cụ là dây thòng lọng bắt chó và là người trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Bị cáo B là người giúp sức tích cực, sử dụng phương tiện của mình chở T đi.

Xét, các tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ hình phạt:

Đối với bị cáo T ngoài là người có nhân thân xấu do ngày 14/9/2001 bị Tòa án nhân dân quận T xử phạt 01 năm tù về tội “Cướp giật tài sản” thì bị cáo còn là người có 01 tiền sự do ngày 03/3/2020 bị Công an quận G xử phạt vi phạm hành chính theo quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 0020182 về hành vi trộm cắp tài sản, phạt tiền 1.500.000 đồng, đã đóng phạt và có tiền án do ngày 14/9/2011, bị cáo bị Tòa án nhân dân Quận B xử phạt 01 năm tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Đánh bạc”; Ngày 13/12/2013 bị Tòa án nhân dân Quận B xử phạt 08 tháng tù về tội “Đánh bạc”, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo chấp hành hình phạt chung là 01 năm 08 tháng tù. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, chưa thi hành xong phần khoản nộp phạt sung quỹ Nhà nước (Công văn v/v trả lời xác minh số 435/CCTHADS ngày 16/3/2021) nên lần phạm tội này bị cáo phải chịu tình tiết tăng nặng “tái phạm” theo quy định tại được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự. Bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo tự nguyện đem tiền đi chuộc lại chó và đem trả cho người bị hại là đã tự nguyện sửa chữa, khắc phục hậu quả theo quy định tại điểm s, b khoản 1, Điều 51 của Bộ luật hình sự.

Đối với bị cáo B bị cáo cũng là người có nhân thân xấu do ngày 20/11/1996, bị Tòa án nhân dân Quận B xử 08 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Ngày 29/2/2008 bị Tòa án nhân dân quận P xử phạt 09 tháng tù về tội “Chống người thi hành công vụ”. Ngoài ra, bị cáo còn có 01 tiền sự chưa được xóa. Như vậy, bị cáo không có tình tiết tăng nặng và có các tình tiết giảm nhẹ: “Thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải”; sau khi phạm tội ra đầu thú để áp dụng điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Hội đồng xét xử không chấp nhận lời đề nghị của Luật sư yêu

cầu áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự cho bị cáo B vì sau khi bị cáo T nói đem tiền đi chuộc lại chó, bị cáo đồng ý nhưng không có bất kỳ biện pháp nào để bồi thường, đến tại thời điểm xét xử sơ thẩm, bị cáo cũng vẫn chưa bồi thường lại tiền cho bị cáo T.

Từ những nhận định trên, khi lượng hình, Hội đồng xét xử sẽ xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, vai trò, nhân thân của từng bị cáo, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự để có mức án phù hợp nhằm giáo dục, răn đe và đảm bảo tính nghiêm minh của pháp luật nhưng cũng đồng thời thể hiện chính sách khoan hồng của Nhà nước đối với người phạm tội biết sửa sai và chuộc lại lỗi lầm.

[3]. Về trách nhiệm dân sự: Các bị cáo chiếm đoạt của người bị hại ông Tôn Thất Q là con chó Poodle. Hiện nay, ông Q đã nhận lại con chó trong tình trạng khỏe mạnh và đang tiếp tục nuôi dưỡng nên ông không có ý kiến yêu cầu gì thêm.

Đối với số tiền 3.500.000 đồng là tiền bà O mua lại con chó của các bị cáo đã được bị cáo T đem trả lại để chuộc con chó về trả cho ông Q. Bà O đã nhận lại đầy đủ số tiền nói trên nên không có ý kiến gì thêm. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T cũng không yêu cầu bị cáo B phải hoàn trả số tiền bị cáo B đã nhận 1.700.000 đồng (tiền sau khi bán chó được 3.500.000 đồng, các bị cáo chia nhau, trong đó T 1.800.000 đồng và B 1.700.000 đồng). Xét đây là sự tự nguyện của bị cáo T nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, trong vụ án này phần trách nhiệm dân sự đã được giải quyết xong. Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[4]. Về xử lý vật chứng:

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu Nokia thu giữ của bị cáo T. Đây là điện thoại T dùng để liên lạc với B rủ nhau đi chiếm đoạt tài sản nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 59M1 – 347.77, số khung S9A0C018477, số máy: 1S9A028489 do B là chủ sở hữu hợp pháp. Đây là phương tiện các bị cáo sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 (một) thanh kẽm dài 50cm, có cuộn vòng tròn ở phía trước; 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám trắng; 01 (một) quần dài màu đen; 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng; 01 (một) mũ bảo hiểm màu vàng có sọc xanh ở giữa; 01 (một) quần jeans màu xanh và 01 (một) bao bố màu xám không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[5]. Đối với bà Nguyễn Thị O là người mua lại con chó do bị cáo B và T chiếm đoạt, không biết đây là tài sản do phạm tội mà có nên Cơ quan điều tra Công an quận Phú Nhuận không đề nghị xử lý là có căn cứ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

[1]. Tuyên bố các bị cáo Trần Đình T (Mắm) và Nguyễn Hồng B phạm tội “Cướp giật tài sản”.

[2]. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm b, s khoản 1 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Trần Đình T (Mắm) 04 (bốn) năm 06 (sáu) tháng tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2020.

Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Xử phạt: Bị cáo **Nguyễn Hồng B 04 (bốn) năm tù**. Thời hạn tù tính từ ngày 12/11/2020.

[3]. Áp dụng khoản 1, khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

- Tịch thu tiêu hủy:

- + 01 (một) thanh kèm dài 50cm, có cuộn vòng tròn ở phía trước;
- + 01 (một) áo thun ngắn tay màu xám trắng;
- + 01 (một) quần dài màu đen;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu trắng;
- + 01 (một) mũ bảo hiểm màu vàng có sọc xanh ở giữa;
- + 01 (một) quần jeans màu xanh;
- + 01 (một) bao bố màu xám.

- Tịch thu sung quỹ Nhà nước:

- + 01 (một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu xanh trắng, biển số 59M1 – 347.77, số khung S9A0C018477, số máy: 1S9A028489;
- + 01 (một) điện thoại di động màu vàng, phía trước có chữ Nokia, số seri: 353215/03/705133/8, có gắn simcard số: 0353732232.

(Theo biên bản về việc giao, nhận vật chứng, tài sản ngày 21/5/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh).

[4]. Về trách nhiệm dân sự: Đã giải quyết xong.

[5]. Về án phí: áp dụng khoản 2 điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án buộc các bị cáo Trần Đình T và Nguyễn Hồng B mỗi bị cáo phải nộp 200.000 (Hai trăm ngàn đồng) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

[6]. Quyền kháng cáo:

Các bị cáo T, B có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án để xin xét xử phúc thẩm.

Người bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Bị cáo;
- VKSND Q. Phú Nhuận;
- Thi hành án Q. Phú Nhuận;
- Công an Q. Phú Nhuận;
- P.PC27-CATP;
- Sở Tư pháp Tp. HCM;
- Lưu hồ sơ

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thị Mai Thùy